

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-04-2021

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Cương;

Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: ông Châu Kim Sol - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên Tòa: bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 417/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Hồ Quang S, sinh năm 1981. Nơi cư trú: số 329A, tổ 03, khu vực 5, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* chị Trần Thị D, sinh năm 1990. Nơi cư trú: ấp A, xã A1, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Hồ Quang S trình bày:

- Về hôn nhân: anh S và chị D quen biết, qua một thời gian tìm hiểu quyết định tiến đến hôn nhân, được gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận N, thành phố Cần Thơ vào ngày 27/8/2015.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống tại phường A, quận N, thành phố Cần Thơ được khoảng 03 năm; cuộc sống hôn nhân ban đầu hạnh phúc, đến năm 2016 sinh được một đứa con chung. Trong năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do chị D có tính ngang bướng, anh góp ý kiến nhiều lần nhưng chị D không chịu sửa đổi, thường cãi nhau, anh và chị D đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không được và trong năm 2018 chị D đã bỏ nhà về quê sống với cha mẹ ruột tại ấp A, xã A1, huyện T, tỉnh An Giang cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì giữa anh và chị D không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nữa, thỉnh thoảng anh có đến thăm con rồi lại về.

Anh S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh S yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị D.

- Về con chung: có một đứa con chung tên Hồ Lan Nhã Kỳ D1, sinh ngày 22/02/2016. Khi ly hôn anh đồng ý để cháu D1 cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu D1 trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung: anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: anh S khai không có nợ chung.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn chị Trần Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có nguyên đơn anh S có mặt, bị đơn chị Trần Thị D vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 13 tháng 04 năm 2021, Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng chỉ có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Hồ Quang S vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn chị Trần Thị D tiếp tục vắng mặt không có lý do và không ai cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa

và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật:

+ Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án còn để quá thời hạn chuẩn bị xét xử.

+ Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chị Trần Thị D chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: hôn nhân giữa anh S và chị D là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo luật hôn nhân gia đình, tuy nhiên cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh, không hàn gắn được nên sống ly thân nhau từ năm 2018. Nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án chị D không gửi bản tự khai cho Tòa án; không tham gia các phiên hòa giải là không có thiện chí hòa giải đoàn tụ, điều này cho thấy cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh S xin được ly hôn với chị D.

+ Về con chung: có một đứa con chung tên Hồ Lan Nhã Kỳ D1, sinh ngày 22/02/2016. Khi ly hôn anh S đồng ý để cháu D1 cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng và anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng. Vì vậy, đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện này.

+ Về quan hệ tài sản chung: anh Hồ Quang S không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Tòa án nhân

dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn anh Hồ Quang S (có đơn xin xét xử vắng mặt); bị đơn chị Trần Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị D được xác lập trong năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ theo đúng Luật hôn nhân gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Theo lời trình bày của nguyên đơn và xác minh tại địa phương thì hôn nhân của anh S và chị D phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng anh S và chị D đã không còn sống chung với nhau từ năm 2018 đến nay, do nhiều bất đồng trong quan điểm sống. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh S và chị D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh S khởi kiện xin ly hôn với chị D là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: anh S và chị D có một đứa con chung tên Hồ Lan Nhã Kỳ D1, sinh ngày 22/02/2016, hiện đang sống chung với chị D. Khi ly hôn anh S đồng ý giao cháu D1 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Nhận thấy, cháu D1 xuyên suốt từ nhỏ sống chung với chị D, vì vậy để ổn định môi trường sống của

cháu D1 Hội đồng xét xử giao con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bên kia (người không trực tiếp nuôi) trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hồ Quang S tự nguyện cấp dưỡng định kỳ hàng tháng để nuôi con chung (cháu D1) với mức mỗi tháng là 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu D1 trưởng thành; thời gian thực hiện cấp dưỡng được tính kể từ tháng 05 năm 2021. Đây là nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chưa thành niên, là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, do đó sự tự nguyện của anh S với mức đóng góp trên để cùng với chị D nuôi dưỡng con chung là phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: anh Hồ Quang S không yêu cầu chia tài sản chung và khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Quá trình tố tụng, bị đơn chị Trần Thị D không có ý kiến bằng văn bản, không cung cấp tài liệu, chứng gì cho Tòa án nên không xem xét.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Anh Hồ Quang S là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và Gia đình và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng định kỳ).

- Chị Trần Thị D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Hồ Quang S.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Hồ Quang S được ly hôn chị Trần Thị D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 126/2015 ngày 27 tháng 08 năm 2015 của Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Giao con con chung tên Hồ Lan Nhã Kỳ D1, sinh ngày 22/02/2016 cho chị Trần Thị D nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Hồ Quang S trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dạy con chung;

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hồ Quang S cấp dưỡng nuôi con chung (Hồ Lan Nhã Kỳ D1) mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu Kỳ D1 trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời gian thực hiện cấp dưỡng được tính kể từ tháng 05 năm 2021.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Hồ Quang S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và Gia đình và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng định kỳ hàng tháng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số:

TU/2019/0005831 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Anh Hồ Quang S phải nộp thêm tiền án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Tịnh Biên;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- THA huyện Tịnh Biên;
- Lưu Vp + Hs.

Châu Nam Phú